

Phụ lục II
DANH MỤC THÔNG TIN TỐI THIỂU CỦA CHỨNG TỪ CHỨNG
NHẬP XUẤT XỬ HÀNG HOÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-Niu Di-lân)

I. Danh mục thông tin yêu cầu của C/O:

1. Thông tin của người xuất khẩu: tên, địa chỉ và thông tin liên lạc cụ thể của người xuất khẩu.

2. Thông tin về lô hàng (Mỗi một C/O chỉ được áp dụng cho một lần nhập khẩu hàng hoá):

a) Tên và địa chỉ của người nhận hàng;

b) Thông tin cần thiết để xác nhận lô hàng, như số đề nghị mua hàng của người nhập khẩu, số hoá đơn và ngày xuất hóa đơn, và vận đơn hàng không hoặc vận đơn đường biển hoặc vận tải đơn;

c) Cảng dỡ hàng (nếu biết).

3. Mô tả chi tiết hàng hóa:

a) Mô tả chi tiết hàng hóa, bao gồm mã HS (ở cấp độ 6 số), số hiệu sản phẩm và tên nhãn hiệu sản phẩm (nếu có thể);

b) Tiêu chí xuất xứ liên quan;

c) Trị giá FOB khi áp dụng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC). Trị giá FOB được yêu cầu thể hiện trên C/O giáp lưng sẽ là trị giá FOB của hàng hóa xuất khẩu từ nước thành viên trung gian. Đối với Úc và Niu di-lân, trường hợp một C/O hoặc một C/O giáp lưng trên đó không ghi trị giá FOB sẽ được đính kèm thêm khai báo của người xuất khẩu ghi rõ trị giá FOB của từng sản phẩm mô tả trên C/O.

4. Chứng nhận của Tổ chức cấp C/O:

Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Tổ chức cấp C/O chứng nhận hàng hoá khai trên C/O đáp ứng các quy tắc xuất xứ quy định tại Thông tư này.

5. Số tham chiếu của C/O:

Mỗi C/O sẽ được Tổ chức cấp C/O cấp một số tham chiếu.

II. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá bao gồm những thông tin tối thiểu sau:

1. Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu;
2. Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (nếu biết);
3. Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu hoặc của người nhận hàng;
4. Mô tả hàng hoá và mã HS (ở cấp độ 6 số);
5. Trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện, ghi mã số hoặc mã số nhận diện của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất;
6. Số tham chiếu;
7. Tiêu chí xuất xứ hàng hoá;
8. Chứng nhận của người được ủy quyền ký rằng hàng hóa đáp ứng các quy định tại Thông tư này;
9. Nước xuất xứ;
10. Trị giá FOB nếu áp dụng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực;
11. Số lượng hàng hóa;
12. Trường hợp phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa giáp lưng, ghi số tham chiếu, ngày phát hành, nước xuất xứ của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban đầu của nước thành viên xuất khẩu ban đầu, và nếu phù hợp, ghi mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu đủ điều kiện của nước thành viên xuất khẩu ban đầu.